

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HAPPY LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HAPPY LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAPPY LAND SERVICE DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109585861

**3. Ngày thành lập:** 07/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6 ngõ 6 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978866789

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                         | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                   | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                             | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                              | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                  | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                       | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                        | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                         | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                  | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                           | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                     | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                    | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                         | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                     | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                     | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, thang cuốn,</li> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động,</li> <li>+ Dây dẫn chống sét,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330 |
| 19. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+ Uôn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lắp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> </ul> </li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà.</li> </ul> | 4390 |
| 20. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý bán hàng hóa;</li> <li>- Môi giới mua bán hàng hóa</li> </ul> <p>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).                                                              | 4659        |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4663        |
| 24. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các ngành, nghề Nhà nước cấm đầu tư kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690        |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4752        |
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4753        |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4759        |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5210        |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5510        |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5610        |
| 31. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Khoản 1 Điều 3 và Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6810(Chính) |
| 32. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>-Môi giới bất động sản (Điều 62 Luật kinh doanh Bất động sản 2014)<br>- Tư vấn Bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh Bất động sản 2014)                                                                                                                                                                                                                                                            | 6820        |
| 33. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310        |
| 34. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7320        |

|     |                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                               | 7911 |
| 36. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                        | 7912 |
| 37. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                        | 8121 |
| 38. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                            | 8129 |
| 39. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                        | 8130 |
| 40. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                   | 8230 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Theo Điều 28 Luật thương mại 2005) | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 800.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ THU HIỀN | Số 10- N2, KTTQ.Đ, B.Đ 11, Tổ 9 , Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 760.000    | 7.600.000.000         | 95,000    | 0251860003<br>47                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                               | Tổng số                   | 760.000    | 7.600.000.000         | 95,000    |                                                                                             |         |

|   |             |                                                                                            |                           |        |             |       |              |  |
|---|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|--|
| 2 | TẠ ĐÌNH THỌ | Số nhà 37 ngõ 371/44 TDP Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 16.000 | 160.000.000 | 2,000 | 025089000275 |  |
|   |             |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            | Tổng số                   | 16.000 | 160.000.000 | 2,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            |                           |        |             |       |              |  |
| 3 | ĐÀO THỊ NGÀ | Số nhà 37 ngõ 371/44 TDP Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 24.000 | 240.000.000 | 3,000 | 012192000029 |  |
|   |             |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            | Tổng số                   | 24.000 | 240.000.000 | 3,000 |              |  |
|   |             |                                                                                            |                           |        |             |       |              |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ THU HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 26/02/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 025186000347

Ngày cấp: 05/10/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 10- N2, KTTQ.Đ, B.Đ 11, Tổ 9, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 10- N2, KTTQ.Đ, B.Đ 11, Tổ 9, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội